TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10 – 02 – 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Phúc;

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thuần – Kiểm sát viên.

Ngày 10/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 387/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐST-DS ngày 13/01/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quách Thị N, sinh năm: 2001, địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Giáp Bảo H, sinh năm: 1997, địa chỉ cư trú: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị N, anh H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện và lời tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Quách Thị N trình bày:* Chị và anh Giáp Bảo H tiến hành hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Trong quá trình chung sống có một con chung tên là Giáp Bảo N1, sinh ngày 23/4/2021. Do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn tình cảm nên đã ly thân, chị về nhà ba mẹ ruột ở Cà Mau sống. Do đó khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về tình cảm: yêu cầu được ly hôn với anh Giáp Bảo H.

+ Về nuôi con chung: yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh H phải cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Tại phiên toà, thay đổi không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: vợ chồng có 10 chỉ vàng 18 kara và 10 chỉ vàng 24 kara 9,8 tuổi, hiện anh H đang quản lý. Nay ly hôn, yêu cầu chia đôi số vàng.

+ Về nợ chung: không có.

- *Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, bị đơn Giáp Bảo H* thống nhất về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung theo lời khai của nguyên đơn. Còn đối với yêu cầu thì:

+ Về tình cảm: đồng ý ly hôn với chị N.

+ Về nuôi con chung: yêu cầu được nuôi con chung, chị N phải cấp dưỡng muôi con 1.000.000đ/tháng, từ khi có quyết định đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Tại phiên toà, thay đổi không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: thừa nhận hiện đang giữ 10 chỉ vàng 18 kara và 10 chỉ 24 kara 9,8 tuổi, là tài sản chung của vợ chồng. Nay ly hôn đồng ý chia đôi, mỗi người ½ số vàng trên.

+ Về nợ chung: không có.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông phát biểu* việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị N và anh H; ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận về chia đôi tài sản chung, anh H có trách

nhiệm giao cho chị N 05 chỉ vàng 18 kara và 05 chỉ vàng 24 kara 9,8 tuổi; về con chung: giao cháu N1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn với bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện T là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên toà, nguyên – bị đơn thống nhất về tình trạng hôn nhân là chung sống có đăng ký kết hôn và có 01 con chung là Giáp Bảo N1, sinh ngày 23/4/2021 (hiện đang sống với chị N), về tài sản chung có 10 chỉ vàng 18 kara và 10 chỉ vàng 24 kara 9,8 tuổi (hiện anh H đang cất giữ). Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình hoà giải cũng như tại phiên tòa, chị N và anh H đồng ý thoả thuận tự nguyện ly hôn, là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

- Về tài sản chung: Tại phiên hoà giải và tại phiên toà, chị N và anh H thống nhất thoả thuận và đồng ý chia đôi tài sản chung gồm: 10 chỉ vàng 18 kara và 10 chỉ vàng 24 kara 9,8 tuổi và yêu cầu Toà án ghi nhận. Xét thấy đây là sự tự nguyện thoả thuận của đương sự, phù hợp quy định tại các Điều 38, 59 Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận. Cụ thể mỗi người được hưởng ½ tài sản chung, do anh H đang cất giữ tài sản chung, nên anh H có trách nhiệm giao trả cho chị N 05 chỉ vàng 18 kara và 05 chỉ vàng 24 kara 9,8 tuổi.

- Về nuôi con chung: chị N, anh H đều có yêu cầu được nuôi con. Xét thấy theo lời khai thì anh H có nghề tài xế xe, còn chị N cho là đang nuôi dưỡng cháu N1, tuy làm công nhân nhưng gần nhà, có thời gian chăm sóc con và đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Tại phiên toà anh H xuất trình hình ảnh chị N đi chơi để chứng minh không chăm sóc con. Xét thấy, hiện cháu N1 dưới 36 tháng tuổi, nên về nguyên tắc giao cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Mặt khác, thường người mẹ chăm sóc con chu đáo hơn người chồng, hơn nữa cháu N1 hiện đang sống với chị N, nên xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con, nghĩ nên giao cháu N1 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: tại phiên toà không có yêu cầu và không có sự tự nguyện cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý.

- Về nợ chung: Chị N và anh H thừa nhận không có.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, để tính án phí như sau:

+ Về án phí đối với yêu cầu xin ly hôn: do chị N và anh H tự nguyện ly hôn, nên mỗi người phải chịu 75.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

+ Về quan hệ tài sản: do các bên đã tự thoả thuận phân chia tài sản chung trước khi mở phiên toà và tại phiên toà yêu cầu Toà án ghi nhận, nên mỗi người phải chịu 50% mức án phí tương ứng với giá trị tài sản được chia. Cụ thể: mỗi người được chia 05 chỉ vàng 18 kara (giá các bên thống nhất theo giá thị trường là 3.400.000đ/chỉ) và 05 chỉ vàng 24 kara 9,8 tuổi (giá các bên thống nhất theo giá thị trường là 5.400.000đ/chỉ), nên phải chịu 1.100.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 92 và 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; Áp dụng các Điều 38, 56, 58, 59, 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị N và anh Giáp Bảo H tự nguyện ly hôn.

- Về nuôi con chung: Chị Quách Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Giáp Bảo N1, sinh ngày 23/4/2021 (hiện cháu N1 đang sống với chị N).

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Ghi nhận sự thoả thuận chia đôi tài sản chung giữa chị Quách Thị N và ánh Giáp Bảo H.

+ Chị Quách Thị N, anh Giàp Bảo H1, mỗi người được phân chia 05 chỉ vàng 18 kara và 05 chỉ vàng 24 kara 9,8 tuổi.

+ Anh Giáp Bảo H có trách nhiệm giao trả cho chị Quách Thị N 05 chỉ vàng 18 kara và 05 chỉ vàng 24 kara 9,8 tuổi.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

+ Chị Quách Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.175.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.990.000đ theo biên lai thu số: 0012869, ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông. Chị N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch 815.000đồng.

+ Anh Giáp B H1 nộp 1.175.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Trí Viễn